TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ C** **TỈNH BÌNH DƯƠNG** Số: 191/2018/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *C, ngày 04 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 245/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Dương N, sinh năm 1994; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Đ, xã A, huyện M, tỉnh Kiên Giang; địa chỉ nơi đăng ký tạm trú: Tổ 11, ấp L, xã Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Anh Phạm Q, sinh năm 1988; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Đ, xã A, huyện M, tỉnh Kiên Giang; địa chỉ nơi đăng ký tạm trú: Tổ 11, ấp L, xã Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Dương N và anh Phạm Q.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Dương N và anh Phạm Q tự nguyện thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày có Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự Giấy chứng nhận kết hôn số 70/2015, quyển số 01/2015 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện M, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 12/8/2015 cho chị Dương N và anh Phạm Q không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Chị Dương N và anh Phạm Q không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Dương N, anh Phạm Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Dương N phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình; anh Phạm Q phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình. Chị Dương N tự nguyện nộp thay cho anh Phạm Q 75.000 đồng, tổng cộng số tiền chị Dương N phải nộp là 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2016/0025263 ngày 06/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương. Chị Dương N được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- UBND xã A, huyện M, tỉnh Kiên Giang;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Lê Cẩm Hằng